

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

*Số: 07/BIO-ORGANIC/2023*

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784.

Mã số doanh nghiệp: 0108117821 Sở Kế hoạch và đầu tư Hưng Yên cấp ngày 09/9/2021.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2021/ATTP-CNĐK.

Ngày cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn HMO A2**

**2. Thành phần:**

Nước, sữa bột (9.0%), đường tinh luyện, dầu thực vật, chất béo mạch trung bình MCT, chất ổn định (E471, E407, E412), hỗn hợp vitamin và khoáng chất (E, C, niacin, axit pantothenic, B1, B6, A, B2, axit folic, beta caroten, K, biotin, D3, kali clorid, sắt pyrophosphat, kẽm oxit, natri selenit, kali iodid), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, chất điều chỉnh độ axit (500(ii)), muối, 2'-fucosyllactose (2'-FL HMO) (0,14 g/L), DHA, bột sữa non (colostrum) (83 mg/L).

Sản phẩm có chứa sữa, DHA từ cá.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- 09 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn dùng in trên vỏ hộp.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

4.1. Chất liệu bao bì: Sản phẩm đóng trong hộp giấy phức hợp nhôm và PE, lớp tiếp xúc sản phẩm là PE đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế

4.2. Quy cách đóng gói: 110ml/hộp, 180ml/hộp

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Tên cơ sở sản xuất: Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: *Tiêu chuẩn của nhà sản xuất*



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 10 tháng 02 năm 2023



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Tiêu*



CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

**BẢN TIÊU CHUẨN CỦA NHÀ SẢN XUẤT**

Số: 14 TPBSHMO-A2-2023/TCSP

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa điểm: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784

1. Sản phẩm : Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn HMO A2

2. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng lỏng
2	Màu sắc	Màu trắng sữa đến màu vàng nhạt đặc trưng sản phẩm
3	Mùi vị	Thơm, ngọt, đặc trưng của sản phẩm

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Giá trị dinh dưỡng trong 110ml sản phẩm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Hàm lượng
Năng lượng	kcal	80,74
Chất đạm (Protein)	g	3,08
Chất béo (Lipid)	g	3,06
Hydrat cacbon	g	10,22
DHA	µg	950
Lysin	mg	211
Vitamin A	IU	170,2
Vitamin D3	IU	33
Vitamin E	IU	2
Vitamin K	µg	1,89



Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Hàm lượng
Vitamin B1	µg	68
Vitamin B2	µg	108
Niacin (B3)	µg	680
Axit pantothenic (B5)	mg	589
Vitamin B6	µg	35
Axit folic	µg	21,6
Cholin	mg	2,7
Natri	mg	33
Kali	mg	81,2
Canxi	mg	88,66
Phốt pho	mg	60,8
Magiê	mg	9,8
Sắt	µg	240
Kẽm	mg	0,41
Clo	mg	86,68
I ốt	µg	29

Hàm lượng các vitamin và khoáng chất > 80% giá trị ghi trên nhãn.

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

#### 4. Thành phần:

Nước, sữa bột (9.0%), đường tinh luyện, dầu thực vật, chất béo mạch trung bình MCT, chất ổn định (E471, E407, E412), hỗn hợp vitamin và khoáng chất (E, C, niacin, axit pantothenic, B1, B6, A, B2, axit folic, beta caroten, K, biotin, D3, kali clorid, sắt pyrophosphat, kẽm oxit, natri selenit, kali iodid), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, chất điều chỉnh độ axit (500(ii)), muối, 2'-fucosyllactose (2'-FL HMO) (0,14 g/L).

DHA, bột sữa non (colostrum) (83 mg/L).

Sản phẩm có chứa sữa, DHA từ cá.

## 5. Chỉ tiêu an toàn

### 5.1. Giới hạn về vi sinh vật

Theo QCVN 8-3:2012/ BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Enterobacteriaceae	CFU/ml	< 1
2	L.monocytogenes	CFU/ml	10 <sup>2</sup>
3	Salmonella	/25 ml	KPH

### 5.2. Giới hạn kim loại nặng

Theo QCVN 8-2:2011/ BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Thiếc	mg/l	250
2	Cadimi	mg/l	1
3	Chì	mg/l	0,02
4	Thủy ngân	mg/l	0,05
5	Asen	mg/l	0,5

### 5.3. Giới hạn về độc tố vi nấm

Theo QCVN 8-1:2011/ BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Aflatoxin M1	µg/l	0,025
2	Patulin	µg/l	10
3	Fumonisin	µg/l	200

DHA, bột sữa non (colostrum) (83 mg/L).

Sản phẩm có chứa sữa, DHA từ cá.

## 5. Chi tiêu an toàn

### 5.1. Giới hạn về vi sinh vật

Theo QCVN 8-3:2012/ BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Enterobacteriaceae	CFU/ml	< 1
2	L.monocytogenes	CFU/ml	10 <sup>2</sup>
3	Salmonella	/25 ml	KPH

### 5.2. Giới hạn kim loại nặng

Theo QCVN 8-2:2011/ BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Thiếc	mg/l	250
2	Cadimi	mg/l	1
3	Chi	mg/l	0,02
4	Thủy ngân	mg/l	0,05
5	Asen	mg/l	0,5

### 5.3. Giới hạn về độc tố vi nấm

Theo QCVN 8-1:2011/ BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Aflatoxin M1	µg/l	0,025
2	Patulin	µg/l	10
3	Fumonisin	µg/l	200

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
4	Aflatoxin B1	µg/l	0,1
5	Deoxynivalenol	µg/l	200
6	Zearalenone	µg/l	20
7	Ochratoxin A	µg/l	0,5

#### 5.4. Giới hạn về Melamin

Theo 38/2018/QĐ- BYT: Quy định mức giới hạn tối đa melamin nhiễm chéo trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Melamin	mg/l	1

#### 5.5. Các tiêu chí khác

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với quy định dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/ TT-BYT ngày 14 tháng 08 năm 2013 của Bộ Y tế.
- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với quy định giới hạn dư lượng thuốc tối đa bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

#### 6. Hướng dẫn sử dụng:

##### 6.1. Đối tượng sử dụng:

Dành cho trẻ từ 01 tuổi trở lên.

##### 6.2. Cách dùng:

Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh, mỗi ngày uống 3-4 hộp.

CHÚ Ý: "Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ"

“SẢN PHẨM NÀY LÀ THỨC ĂN BỔ SUNG VÀ ĐƯỢC ĂN THÊM CÙNG VỚI SỮA MẸ DÙNG CHO TRẺ TỪ 01 TUỔI”

#### 7. Bảo quản

Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh những nơi có độ ẩm cao.

**8. Thời hạn sử dụng:**

- 09 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn dùng in trên vỏ hộp.

**9. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

9.1. Chất liệu bao bì: Sản phẩm đóng trong hộp giấy bên trong tráng lớp PA, PE, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

9.2. Quy cách đóng gói: 110 ml/hộp, 180 ml/hộp

Hưng Yên, ngày 20 tháng 02 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỜ CHỨC, CÁ NHÂN**



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Tiêu*







BN: 230207-008/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2302227

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Analytical Results



Tên mẫu / Sample name: **Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn HMO A2**  
(Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi)

Khách hàng / Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ / Address : **Thôn Đỗ Mỹ, Xã Bãi Sậy, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên**

Mô tả mẫu / Sample description : **Mẫu dạng lỏng đựng trong bao bì kín**

Nền mẫu / Matrix : **Thực phẩm bổ sung sữa pha sẵn HMO A2**  
(Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi)

Số lượng mẫu / Number of sample: **01**

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : **07/02/2023**

Ngày hẹn trả kết quả / Date of results delivery: **14/02/2023**



Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2302227	Arsen (As) <sup>(*)</sup> ( <sup>b</sup> )	KPH	0.05	mg/l	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) <sup>(*)</sup> ( <sup>b</sup> )	KPH	0.05	mg/l	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc (Sn)	KPH	0.05	mg/l	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) <sup>(*)</sup>	KPH	0.02	mg/l	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) <sup>(*)</sup> ( <sup>b</sup> )	KPH	0.02	mg/l	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin M <sub>1</sub>	KPH	0.025	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018
	Aflatoxin B <sub>1</sub>	KPH	0.1	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018
	Ochratoxin A	KPH	0.1	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018
	Patulin	KPH	1.0	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018
	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018

BN: 230207-008/TTSG

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu / Sample ID: 2302227

Analytical Results

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2302227	Fumonisin	KPH	100	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018
	Melamin	KPH	1.0	mg/l	Ref. TCVN 9048-2012
	<i>Enterobacteriaceae</i> <sup>(*)</sup> (b)	KPH	1	CFU/ml	ISO 21528 – 2:2017
	<i>Listeria monocytogenes</i>	KPH	1	CFU/ml	ISO 11290 – 2:2017
	<i>Salmonella</i> <sup>(*)</sup> (b)	KPH	-	/25ml	TCVN 10780-1:2017
	<i>Enterobacter sakazakii</i> ( <i>Cronobacter sakazakii</i> )	KPH	-	/25ml	TCVN 7850:2018



**Ghi chú/Note :** Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên/ The results only valid for the sample encoded as above

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / The results shall not be reproduced except in full , without the written approval of the director

- (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025

- (a) Kết quả đo nhà thầu phụ thực hiện / The parameters tested by subcontractor

- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế /Lab approved by Ministry of Health

- LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of detection.

KPH : không phát hiện/ Not detected

**Phụ trách phòng thí nghiệm**

Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thanh Tân



Giám Đốc  
Director